

Số: **26** /2020/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **18** tháng **9** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
- VPUB: LĐVP;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KT, TH.

L/2020/QĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông

QUY ĐỊNH

**Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào
nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

*(kèm theo Quyết định số 26 /2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp và mức vốn ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP*).

b) Những nội dung khác liên quan đến chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có dự án đầu tư quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP (*gọi tắt là nhà đầu tư*).

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách theo quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Chính sách hỗ trợ này chỉ áp dụng đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư mới.

2. Trong thời gian được hưởng hỗ trợ theo Quy định này, nếu doanh nghiệp không thực hiện đúng, đủ nội dung dự án đăng ký, thì không được tiếp tục hưởng hỗ trợ (*trừ trường hợp bất khả kháng*).

3. Nhà đầu tư tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư vào ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo định mức hỗ trợ theo quy định này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

1. Mức hỗ trợ

Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại của các Ngân hàng thương mại so với lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ (*nhưng không vượt quá thời gian và hạn mức nêu tại khoản 2 và khoản 3 điều này*).

2. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

a) 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư.

b) Trường hợp doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm.

c) Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thời gian hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

3. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: 70% tổng mức đầu tư của dự án.

4. Phương thức hỗ trợ

a) Ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ sau đầu tư cho doanh nghiệp phần chênh lệch lãi suất vay mà nhà đầu tư được hỗ trợ và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa nhà đầu tư với Ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng tín dụng đã ký.

b) Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (*gốc và lãi*) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

5. Kinh phí cấp bù chênh lệch lãi suất

Kinh phí cấp bù chênh lệch lãi suất được bố trí từ ngân sách tỉnh.

Điều 4. Hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ

Thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương****1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và mức hỗ trợ cho từng dự án.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, bố trí vốn trung hạn và hằng năm hỗ trợ các địa phương theo khả năng cân đối ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này, trình các cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ, hiệu quả hoạt động của dự án theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu để UBND tỉnh bố trí vốn để thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quy định này.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh phê duyệt hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và mức hỗ trợ cho từng dự án.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phê duyệt hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và mức hỗ trợ cho từng dự án.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Quy định này; Chủ trì xây dựng kế hoạch, tăng cường

công tác xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Các sở, ngành, địa phương có liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát thực hiện hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Điều 6. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Tổ chức triển khai dự án bảo đảm đúng tiến độ và đúng nội dung dự án đã đăng ký, đã được phê duyệt; chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng, hoạt động kinh doanh nếu không thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết, dự án đầu tư đăng ký thì tùy theo mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam sẽ xem xét, xử lý hoặc chấm dứt thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định.

2. Định kỳ báo cáo tình hình đầu tư, hoạt động kinh doanh gửi các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các chính sách hỗ trợ tại Quy định này đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng hỗ trợ theo mức cao nhất theo quy định hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc hoặc có văn bản quy phạm pháp luật mới cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy định này, phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) tổng hợp báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông